

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 352/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 20-5-2022  
V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Cẩm Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Lê Văn Nghĩa

2/ Ông Lê Hoài Phong

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành Phục - *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.*

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Hoàng Lan Ngọc – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 108/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 40A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị H, sinh năm 1976,

Địa chỉ: ấp TB, xã TCN, CT, Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn S, sinh năm 1976,

Địa chỉ: ấp TB, xã TCN, CT, Tiền Giang.

(Chị H có đơn xin vắng mặt; anh S vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 15-02-2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:*

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn S tự nguyện chung sống từ năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Từ khi kết hôn, Chị H và anh S chung sống hạnh phúc cho đến tháng 01 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do Chị H và anh S bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình. Từ tháng 01 năm 2019 đến nay, chị đã về nhà cha mẹ ruột sống và cắt đứt quan hệ vợ chồng với anh S. Mặc dù, Chị H và anh S đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Chị H yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị H và anh S có 02 con chung tên Nguyễn Thị Diệu D sinh năm 1998 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Vu N, sinh ngày 10/8/2004. Từ khi ly thân, con chung do anh S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cuộc sống ổn định, đảm bảo về mặt vật chất, tinh thần. Chị H đề nghị anh S nuôi con chung tên Nguyễn Thị Vu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, Chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh S không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

*\* Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ có mặt khi Tòa án triệu tập.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ quy định Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H: Cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn S ly hôn; Về nuôi con chung nhằm đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Nguyễn Thị Vu N, đề nghị giao con chung cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không xem xét do các bên không tranh chấp.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn S có nơi cư trú tại ấp Thân Bình, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang theo qui định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H có đơn xin vắng mặt khi xét xử vụ án; Anh S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Chị H và anh S.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn S xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1997 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời khai của chị Nguyễn Thị H về nguyên nhân mâu thuẫn, điều kiện nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung. Tòa án đã thông báo cho anh Nguyễn Văn S được biết nhưng anh S không có ý kiến phản đối. Do vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định các tình tiết nêu trên là sự thật.

Xét quá trình sống chung, Chị H và anh S sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị H cho rằng tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S không còn nên không thể sống chung được nữa. Tòa án tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho Chị H và anh S đoàn tụ nhưng anh S không tham gia hòa giải. Điều đó chứng tỏ anh S cũng không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, không có thiện chí hàn gắn, thể hiện tình cảm giữa Chị H và anh S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

[3] Về con chung: Chị H và anh S có 02 con chung tên Nguyễn Thị Dịu D sinh năm 1998 và Nguyễn Thị Vu N, sinh ngày 10/8/2004. Cháu Nguyễn Thị Dịu D đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Cháu Nguyễn Thị Vu N chưa đủ 18 tuổi nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha hoặc mẹ. Chị Nguyễn Thị H đề nghị anh S trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, từ khi Chị H và anh S không còn sống chung, cháu Vu N do anh S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cũng đảm bảo, cuộc sống đã ổn định nên cần giao con cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi, lợi ích của trẻ em, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Vu N. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho anh Nguyễn Văn S trực

tiếp nuôi dưỡng. Chị H có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí thì Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH :**

*- Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;*

*- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;*

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

1/ Về hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị H được ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn S.

2/ Về con chung: Chị H và anh S có 02 con chung tên Nguyễn Thị Diệu D sinh năm 1998 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Vu N, sinh ngày 10/8/2004. Giao cháu Nguyễn Thị Vu N, sinh ngày 10/8/2004 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị H chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh S chưa yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3/ Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị đã tạm nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004003 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, do đó xem như đã nộp xong án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi Cục THADS huyện Châu Thành, TG;
- UBND xã Long Định, CT, TG;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

ĐÃ KÝ

**Bùi Thị Cẩm Loan**